

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2025
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa;
2. Ông Phạm Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐTT-HNGĐ, ngày 12/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H T T, sinh năm 1992.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ C, xã L V, Huyện K, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh V S C, sinh ngày 30/7/1993.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn S C, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025, bản tự khai chị H T T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V S C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/7/2015 tại UBND xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn S C, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, không biết lý do gì mà tháng 11/2021 (chị không nhớ ngày) anh C bỏ đi đâu không ai biết và đến nay không có tin tức gì. Chị đã tìm kiếm anh C ở nhiều nơi nhưng đều không có tin tức gì của anh C và đã làm đơn yêu cầu chồng chị là anh V S C mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” số 01/2025/QĐST-DS ngày 10/3/2025

của Tòa án nhân dân huyện S đã tuyên bố anh C mất tích. Nay Quyết định tuyên bố anh C mất tích đã có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày anh C bị Tòa án tuyên bố mất tích đến nay, anh C không trở về địa phương, cũng không ai biết anh C làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Do vậy nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh V S C theo quy định của pháp luật.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị và anh V S C chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Do bị đơn là anh V S C đã bị Tòa án Tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 01/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025. Quá trình giải quyết vụ án anh C không có mặt tại địa phương nên không lấy được ý kiến của anh V S C. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh C theo quy định.

Xác minh cho thấy khi Tòa án tuyên bố anh V S C mất tích thì đến nay anh C không quay về địa phương và không ai biết tin tức gì về anh C đang làm gì, ở đâu.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn mất tích nên chưa thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình.

3.2. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị H T T được ly hôn với anh V S C.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị T kiện ly hôn với anh V S C, anh C là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại xã T C P, huyện S do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, niêm yết đối với bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, do anh C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân mà chỉ tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ra thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đã mở phiên tòa lần 1 vào ngày 12 tháng 6 năm 2025 nhưng vì bị đơn mất tích không có mặt tại phiên Tòa nên phải hoãn phiên tòa ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2025, niêm yết theo Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định. Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H T T và anh V S C đăng ký kết hôn ngày 09/7/2015 tại UBND xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai, do anh C bỏ đi biệt tích từ tháng 11/2021, ngày 10/3/2025 anh C đã được Tòa án tuyên bố mất tích, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật, đến nay vẫn không có tin tức gì của anh C, do vậy mục đích hôn nhân không đạt được và chị T khởi kiện ly hôn với anh C. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn nên Tòa án giải quyết cho ly hôn.

[3]. *Về con chung; Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị H T T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H T T. Xử cho chị H T T được ly hôn anh V S C.

Quan hệ hôn nhân của chị H T T và anh V S C chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí*: Chị H T T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

ngày 14 tháng 4 năm 2025, số 000003788629 nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện S, tỉnh Lào Cai được thể hiện ở Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001931 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí;

3. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã S C , tỉnh Lào Cai;
- ND; BD (2);
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng